



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ – VPCNCL
ngày tháng 03 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm:	Khoa Huyết học - Truyền máu
<i>Medical Testing Laboratory</i>	<i>Department of Hematology - Blood Transfusion</i>
Cơ quan chủ quản:	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai
<i>Organization:</i>	<i>Dong Nai General Hospital</i>
Lĩnh vực xét nghiệm:	Huyết học
<i>Field of medical testing:</i>	<i>Hematology</i>
Người phụ trách/ <i>Representative:</i>	Lê Văn Thống Nhất
Số hiệu/ <i>Code:</i>	VILAS MED 214
Hiệu lực công nhận/ <i>Period of Accreditation:</i>	/3/2025 đến/to: /3/2030
Địa chỉ/ <i>Address:</i>	số 2, đường Đồng Khởi, phường Bình Đa, Tp. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai <i>No. 02, Dong Khoi, Binh Da Ward, Bien Hoa City, Dong Nai province</i>
Địa điểm/ <i>Location:</i>	số 2, đường Đồng Khởi, phường Bình Đa, Tp. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai <i>No. 02, Dong Khoi, Binh Da Ward, Bien Hoa City, Dong Nai province</i>
Điện thoại/ <i>Tel:</i>	0251.8825.613
Fax:	
Email:	khoahuyethocbvdn@gmail.com
Website:	www.benhviendakhoadongnai.com

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS***VILAS Med 214****Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học****Discipline of medical testing: Hematology**

TT	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1	Máu toàn phần (Tri-Na Citrate 3.2%) <i>Whole blood (Tri-Na Citrate 3.2%)</i>	Xác định thời gian Prothrombin (s) <i>Determination of Prothrombin time (s)</i>	Đo thời gian đông của huyết tương <i>Time measurement of plasma clots</i>	HE-QTKT-52 (2024) (ACLTOP 550)
2		Xác định thời gian Thromboplastin từng phần hoạt hoá (APTT) <i>Determination of Activated partial thromboplastin time (APTT)</i>		HE-QTKT-51 (2024) (ACLTOP 550)
3		Định lượng Fibrinogen <i>Determination of Fibrinogen quantitation</i>		HE-QTKT-53 (2024) (ACLTOP 550)
4	Máu toàn phần (EDTA) <i>Whole blood (EDTA)</i>	Đếm số lượng Hồng cầu (RBC) <i>Red blood cell count (RBC)</i>	Điện trở kháng <i>Electric impedance</i>	HE-QTKT-76 (2024) (DxH 900)
5		Đếm số lượng Bạch cầu (WBC) <i>White blood cell count (WBC)</i>		HE-QTKT-75 (2024) (DxH 900)
6		Đếm số lượng Tiểu cầu (PLT) <i>Platelete count (PLT)</i>		HE-QTKT-77 (2024) (DxH 900)
7		Xác định lượng huyết sắc tố (HGB) <i>Determination of Hemoglobin (HGB)</i>	Đo quang <i>Optical measurement</i>	HE-QTKT-78 (2024) (DxH 900)
8		Xác định thể tích trung bình hồng cầu (MCV) <i>Determination of Mean Corpuscular Volume (MCV)</i>	Điện trở kháng <i>Electric impedance</i>	HE-QTKT-79 (2024) (DxH 900)

Ghi chú/ Note:

- HE-QTKT ...: Phương pháp nội bộ của PXN/ *Developed laboratory method*

- Trường hợp khoa Huyết học – Truyền máu cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Department of Hematology – Blood transfusion that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*